TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HS - ST
Ngày: 21/04/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vân Văn Kiều - Ông Đèo Văn Vĩnh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ*** tham gia phiên toà: Ông Lê Sỹ Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 21/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST - HS, ngày 09/03/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST - HS ngày 07/4/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1996; Nơi sinh: thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Quê quán:Yên Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Nơi ĐKHKTT: Bản San Thàng (nay là bản Thành Công), xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Ngọc Đúc, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thu, sinh năm 1971; bị cáo có vợ Thàn Thị Nhân, sinh năm: 1996 và có 01 con, sinh năm: 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lừu Thị V, sinh năm: 1985, địa chỉ: Bản Sin Chải, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người phiên dịch cho chị V: Anh Lừu A Năng, sinh năm: 1995, địa chỉ: Bản Sin Chải, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người làm chứng:

Anh Lý A Sèng, sinh năm 1977, địa chỉ: Bản Dền Thàng A, xã Dào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

Anh Tẩn Thanh Hương, sinh năm 1996, địa chỉ: Bản Thèn Thầu, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 10/11/2021, Nguyễn Ngọc S mượn xe máy của anh Vàng Văn Thái trú tại bản Nà Đông, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. S hỏi mượn xe máy và nói "anh cho em mượn xe đi lên trên này một tý", Thái đồng ý cho mượn, sau khi S mượn được xe máy nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 25B1-131,01 của anh Thái, S điều khiển xe máy đi lên xã Bản Lang, huyện Phong Thổ chơi. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến đoạn đường thuộc bản Nà Vàng, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ thì nhìn thấy anh Lý A Sèng đi xe máy chở chị Lừu Thị V, S quan sát đoạn đường vắng người qua lại và thấy chị V đeo túi da màu đen nên nảy sinh cướp tài sản. S đi xe máy áp sát vào bên trái xe máy của anh Sèng đang điều khiển, S dùng tay phải cướp giật túi đeo của chị V, sau khi giật được túi của chị V, S tăng ga bỏ chạy theo hướng trung tâm xã Bản Lang, huyện Phong Thổ. Anh Sèng chị V không bị ngã xe và cũng tăng ga để đuổi theo S sau đó bị mất dấu vết, vì vậy chị đã báo công an xã bản Lang về việc bị cướp giật tài sản. Về phía S sau khi cướp giật được túi da màu đen (dạng túi đeo) của chị V, S lấy 1.000.000 đồng của chị V đi vào một quán tạp hóa mua đồ ăn hết 365.000 đồng còn 635.000 đồng S cất trong túi quần, sau đó S tiếp tục điều khiển xe máy đi đến nhà anh Tẩn Thanh Hương thuộc bản Thèn Thầu, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ là người quen của S, khi vào nhà anh Hương, S có nói dối là bị Công an giao thông đuổi, S sau đó đi vệ sinh và có ý định mở túi vừa cướp được ra để đếm tiền, nhưng chưa kịp đếm thì chị V, anh Sèng và tổ công tác Công an xã Bản Lang đã có mặt tại nhà anh Hương, lúc này S định bỏ chạy thì bị tổ công tác giữ lại, S đã giao nộp cho Công an xã chiếc túi xách giả da màu đen cho chị V, bên trong túi còn số tiền 6.810.000 đồng và 5.168 NDT; S giao nộp số tiền 635.000 đồng là số tiền S chiếm đoạt của chị V.

Bản kết luận định giá tài sản số: 44/KL-HĐĐGTS, ngày 29/11/2021, của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: chiếc túi xách giả da màu đen của chị V có giá trị 60.000 đồng.

Bản kết luận số: 8385/C09-P5, ngày 23/11/2021, của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Số tiền 2.000 nhân dân tệ (Tiền Trung Quốc) do Lý A Đình giao nộp ngày 26/10/2021 là tiền thật.

Tại công văn số: 1056/LCH-TTGS, ngày10/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh tỉnh Lai Châu xác định: Tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam (VNĐ) so với nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2021 là: 1 CNY = 3.616,3 VNĐ. Như vậy, 5.168 nhân dân tệ tiền Trung Quốc quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 10/11/2021 là: 18.689.038,4 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Ngọc S đã chiếm đoạt của chị Lừu Thị V gồm 7.810.000đ + 60.000đ + 18.689.038,4 = 26.559.038,4 đồng *(Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm ba mươi tám, bốn đồng)*.

Vật chứng thu giữ trong vụ án đã xử lý gồm:

Số tiền 7.445.000 đồng và 5.168 NDT, thu giữ của Nguyễn Ngọc S, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lừu Thị V.

Thu giữ của bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 25B1-131,01; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Chu Tiến Hể mang BKS 25B1-131.01. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vàng Văn Thái theo quy định.

Vật chứng còn lại của vụ án:

01 chiếc túi xách giả da màu đen của chị V; 02 vỏ phong bì công văn Công an huyện Phong Thổ hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS, ngày 09/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội: "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1 Điều 51; 38 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 171 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48- Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 - Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 365.000 đồng + 2.980.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại.

Về vật chứng: Căn cứ vào điều 47 - Bộ luật hình sự và điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị trả lại cho chị V 01 chiếc túi xách giả da màu đen, tịch thu tiêu hủy 02 vỏ phong bì công văn Công an huyện Phong Thổ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng, người làm chứng. HĐXX xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của bị hại, người làm chứng và lời khai của bị cáo không mâu thuẫn với nhau, nên việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 293; Điểm d khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/11/2021, Nguyễn Ngọc S mượn xe máy nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 25B1-131,01 của anh Vàng Văn Thái để đi chơi, khi đi đến đoạn đường thuộc bản Nà Vàng, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ thì nhìn thấy anh Lý A Sèng đi xe máy chở chị Lừu Thị V. S đã áp sát xe máy của anh Sèng để cướp giật chiếc túi xách của chị V bên trong túi có số tiền 7.810.000 đồng và 5.168 NDT. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Ngọc S đã chiếm đoạt của chị Lừu Thị V gồm số tiền 7.810.000đ + 60.000đ giá trị chiếc túi xách + 5.168 NDT (quy đổi là 18.689.038,4đ) = 26.559.038,4 đồng.

[4] Đánh giá hành vi của bị cáo HĐXX nhận thấy:

Bị cáo thực hiện hành vi cướp giật rất táo bạo, có thể gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng của chủ sở hữu tài sản, việc bị cáo cướp giật tài sản của người đang điều khiển xe máy trên đường có thể dẫn đến bị hại bị ngã và nguy hiểm đến tính mạng, nhưng bị cáo đã bất chấp sự nguy hiểm để cướp giật tài sản của bị hại. Vì vậy hành vi của bị cáo bị coi là "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171- Bộ luật hình sự. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu

thành tội: "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171- Bộ luật hình sự. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu truy tố bị cáo về tội: "Cướp giật tài sản" theo quy định nêu trên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án tiền sự, tuy nhiên cần có một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng:

Thu giữ của của bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 25B1-131,01 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Chu Tiến Hể mang BKS 25B1-131.01. Xác định tài sản hợp pháp của anh Vàng Văn Thái và anh Thái không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Vàng Văn Thái là đúng quy định.

01 chiếc túi xách giả da màu đen là tài sản hợp pháp của chị V nên cần trả lại cho chị V, 02 vỏ phong bì công văn Công an huyện Phong Thổ cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 365.000 đồng và 2.980.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần, tổng số tiền phải bồi thường là: 3.345.000 đồng.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với Tẩn Thanh Hương không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên Hương không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

1. Về Hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 10/11/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48- Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 và Điều 357, 468 - Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại chị Lừu Thị V số tiền: 3.345.000 đồng *(Ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*.

Về thực hiện trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự"

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47- Bộ luật hình sự và Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị Lừu Thị V 01 chiếc túi xách giả da màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ phong bì công văn Công an huyện Phong Thổ.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ với Chi cục THADS huyện Phong Thổ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu../.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKS tỉnh, huyện
- THA dân sự
- Cơ quan THAHS,CQĐT
- Bị cáo, Bị hại,
- Sở Tư pháp
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu HS - TA .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Nguyễn Thị Phương